

TỔNG HỢP CÁC CÁCH PHÁT ÂM CỦA "A"

1. /æ/ – thường gặp trong các từ đơn giản, âm ngắn.
2. /ɑ:/ – khi "a" đứng trước "r" hoặc "r + phụ âm".
3. /eɪ/ – trong âm tiết mở có "a-e", hoặc các nhóm có nguyên âm đôi "ai, ay, a_e".
4. /e/ – trong một số từ đặc biệt như *many, any...*
5. /ə/ – khi "a" không được nhấn, thường ở âm tiết không trọng âm.
6. /ɒ/ – trong các từ có "wa", "qua", "wan", "wash"...
7. /ɔ:/ – trong các từ có một âm tiết kết thúc bằng "-all".
8. /eə/ – khi "a" đứng trước "r" trong các nhóm "are, ar + nguyên âm yếu".
9. /ɪ/ – trong danh từ có hai âm tiết và tận cùng bằng "-age".

Nguyên âm "E"

1. /i:/

Khi "E" đứng trước phụ âm + E ở cuối từ.

Khi "E" nằm trong các từ đặc biệt như *be, he, she, me...*

2. /e/

Khi "E" nằm trong từ một âm tiết, tận cùng bằng phụ âm (trừ "r").

Khi "E" nằm trong âm tiết được nhấn của từ.

3. /i/

Khi "E" nằm trong **tiếp đầu ngữ**: *be-, de-, re-*

4. /ə/

Khi "E" nằm trong **âm tiết không được nhấn mạnh** của từ

NGUYÊN ÂM "I"

1. /ai/: Trong từ một âm tiết tận cùng bằng "i + phụ âm + e".

Ngoại lệ: *live /liv/, give /giv/*.

2. /ɪ/: Trong từ một âm tiết tận cùng bằng **một hoặc hai phụ âm**.

3. /i:/: Trong một số từ có **nguồn gốc Pháp**.

Cách phát âm nguyên âm "O"

1. /ɒ/ hoặc /ɔ/ – Trong từ có một âm tiết và tận cùng bằng phụ âm, hoặc âm tiết nhấn mạnh của từ nhiều âm tiết.
2. /ɔ:/ – Trong từ có nhóm "or" + phụ âm.
3. /ʌ/ – Trong từ có một âm tiết, hoặc âm tiết nhấn mạnh của từ nhiều âm tiết.
4. /u:/ – Trong một số từ thông dụng, tận cùng bằng "o" hoặc "o" + phụ âm.
5. /əʊ/ – Khi "o" ở cuối từ; hoặc trong từ có một âm tiết tận cùng bằng hai phụ âm hoặc phụ âm + e, hoặc âm tiết nhấn mạnh của từ nhiều âm tiết.
6. /ɜ:/ (hoặc /3:/) – Trong một số từ nhất định.
7. /o/ – Trong các từ đơn giản, thông dụng.
8. /ʊ/ – Trong một số từ nhất định.

BÀI 5: NGUYÊN ÂM "U"

I. Cách phát âm nguyên âm "U"

1. /ʌ/

Khi từ tận cùng bằng **U + phụ âm**

Khi ở trong các **tiếp đầu ngữ "un", "um"**

2. /i/

Trong một số từ đặc biệt

3. /ɜ:/

Trong những từ có **một âm tiết và tận cùng bằng u + r**

Trong những từ có **u + r + phụ âm**

4. /jʊə/

Trong những từ có **u + r + nguyên âm**

5. /ju:/

Trong những từ bắt đầu bằng **u + nguyên âm**
hoặc **u + phụ âm tạo âm /j/**

6. /u:/

Trong những từ mà **u** tạo âm dài, rõ, không kết hợp với /j/

7. /ʊ/

Trong những từ như *bush, full, pull, push, put*

8. /ə/

Trong những từ không nhấn âm, tạo âm ngắn, trung tính

No.	A	B	C	D	Answer
1	purchase	chase	case	phrase	
2	cat	bat	map	ago	
3	space	face	appeal	snakes	
4	happy	map	cannal	channel	
5	stay	says	nation	face	
6	land	man	climate	habit	
7	apartment	daddy	sad	fat	
8	fall	water	age	tall	
9	human	another	bargain	sofa	
10	dosage	bank	happen	nature	
1	damage	pack	pace	tactful	
2	dosage	bank	happen	natural	
3	cat	tape	wait	face	
4	sale	band	sand	tan	
5	candy	sandy	many	handy	
6	stay	say	nation	sad	
7	fall	water	age	tall	
8	accident	jazz	stamp	watch	
	stage	village	manage	package	
	faith	failure	fairly	fainted	

No.	A	B	C	D	Answer
1	cre <u>a</u> ture	cle <u>a</u> ner	cre <u>a</u> my	cle <u>a</u> nse	
2	wome <u>n</u>	be <u>n</u> ch	le <u>n</u> d	spe <u>n</u> d	
3	fe <u>w</u>	se <u>w</u>	kn <u>e</u> w	ne <u>w</u>	
4	pe <u>n</u> alty	sc <u>e</u> nic	e <u>p</u> idemic	le <u>v</u> el	
5	ope <u>n</u>	ge <u>t</u>	le <u>v</u> el	le <u>s</u> son	
6	the <u>s</u> e	e <u>n</u> large	me <u>u</u>	payme <u>n</u> t	
7	be <u>c</u> ome	tre <u>n</u> d	be <u>n</u> der	be <u>n</u> efit	
8	prude <u>n</u> t	ple <u>a</u> sure	tre <u>a</u> sure	de <u>a</u> d	
9	comm <u>e</u> nt	depe <u>n</u> dent	achieve <u>m</u> ent	baseme <u>n</u> t	
10	de <u>s</u> cribe	de <u>s</u> cent	de <u>s</u> ktop	de <u>s</u> ire	

N o.	A	B	C	D	Answer
1	ch <u>i</u> ld	t <u>i</u> me	m <u>i</u> nutes	h <u>i</u> gh	
2	bl <u>i</u> nd	k <u>i</u> te	d <u>i</u> ve	w <u>i</u> n	
3	arr <u>i</u> ve	sk <u>i</u> n	pr <u>i</u> ze	<u>i</u> dea	
4	<u>i</u> ron	<u>i</u> nn	b <u>i</u> n	h <u>i</u> story	
5	<u>i</u> mage	log <u>i</u> c	<u>i</u> nhabitant	l <u>i</u> ke	
6	rev <u>i</u> se	sl <u>i</u> ce	ch <u>i</u> mney	m <u>i</u> ght	
7	<u>i</u> mmune	eng <u>i</u> ne	dr <u>i</u> ve	d <u>i</u> n	
8	m <u>i</u> nute	p <u>i</u> llar	sk <u>i</u>	gr <u>i</u> d	
9	r <u>i</u> de	sk <u>i</u> p	div <u>i</u> de	qu <u>i</u> te	
10	<u>i</u> mpossible	f <u>i</u> nd	k <u>i</u> nd	k <u>i</u> te	

No.	A	B	C	D	Answer
1	p <u>o</u> se	pur <u>p</u> ose	im <u>p</u> ose	cl <u>o</u> se	
2	h <u>o</u> spital	l <u>o</u> se	m <u>o</u> ve	t <u>o</u> mb	
3	f <u>o</u> cus	b <u>o</u> ne	s <u>o</u> n	rem <u>o</u> te	
4	sm <u>o</u> ke	ma <u>j</u> or	s <u>o</u>	dispos <u>a</u> l	
5	m <u>o</u> ve	c <u>o</u> st	<u>O</u> ctober	c <u>o</u> p	
6	<u>o</u> ccur	<u>o</u> blige	<u>o</u> ccasion	<u>o</u> xygen	
7	n <u>o</u> t	n <u>o</u> body	wr <u>o</u> te	sp <u>o</u> ken	
8	be <u>f</u> ore	b <u>o</u> rn	w <u>o</u> rk	b <u>o</u> ring	
9	c <u>o</u> mbine	p <u>o</u> lice	ma <u>j</u> or	at <u>o</u> m	
10	c <u>o</u> mbatant	w <u>o</u> rk	w <u>o</u> rse	w <u>o</u> rd	

No	A	B	C	D	Answer
1	p <u>u</u> ry	b <u>u</u> ring	c <u>u</u> re	d <u>u</u> rable	
2	p <u>u</u> ll	s <u>u</u> gar	pl <u>u</u> ral	sal <u>u</u> te	
3	b <u>u</u> ry	c <u>u</u> rtain	b <u>u</u> rn	t <u>u</u> rn	
4	s <u>u</u> rgery	c <u>u</u> rrent	d <u>u</u> ck	c <u>u</u> lture	
5	r <u>u</u> sh	p <u>u</u> ll	b <u>u</u> tcher	b <u>u</u> llet	
6	r <u>u</u> de	c <u>u</u> p	sal <u>u</u> te	gl <u>u</u> e	
7	aut <u>u</u> mn	c <u>u</u> rious	f <u>u</u> ture	st <u>u</u> dent	
8	s <u>u</u> ggest	pl <u>u</u> s	h <u>u</u> sband	cut	
9	b <u>u</u> tter	p <u>u</u> sh	b <u>u</u> t	n <u>u</u> t	
10	l <u>u</u> ggage	s <u>u</u> m	<u>u</u> tter	d <u>u</u> ring	